

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 107/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 11/5/2021.

V/v: “Tranh chấp ly hôn, nuôi
con chung”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH QUẢNG NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Phùng Thành.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Xuân.

2. Ông Phan Thành Tài

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hải Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên
tòa:** Bà Trương Hồng Bình – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 281/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2020, về việc: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: *Chị Bùi Ngọc Hồng S, sinh năm 1984.*

- Bị đơn: *Anh Nguyễn Quang T, sinh năm 1981.*

Cùng trú tại: Tổ 4, thôn A, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

(Chị S có mặt, anh T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Bùi Ngọc Hồng S trình bày:

Tôi và anh Nguyễn Quang T tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau sau đó đi đến kết hôn vào năm 2003, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Sau khi kết hôn chúng tôi sống hạnh phúc được 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T không lo làm ăn, ngày nào cũng uống rượu, say xỉn về nhà gây gỗ với mẹ con tôi mà không rõ nguyên nhân. Tôi đã cố gắng chịu đựng vì các con nhưng chồng tôi ngày càng nát rượu. Rất nhiều lần đánh đập tôi và các con, vác dao đuổi đánh mẹ con tôi trong đêm trong khi bản thân tôi lo làm lụng nuôi con không có lỗi gì. Nay tôi thấy tình cảm không còn nên xin được ly hôn với anh Nguyễn Quang T

- Về con chung: Vợ chồng chúng tôi có 03 con chung tên là:

1. Nguyễn Bùi Sa P, sinh ngày 27/3/2004.
2. Nguyễn Bùi Anh T1, sinh ngày 05/01/2011.
3. Nguyễn Linh C, sinh ngày 03/4/2018.

Nếu ly hôn nguyện vọng của tôi là xin nuôi hết 03 con chung đến 18 tuổi, trưởng thành. Tôi yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi 02 con nhỏ là cháu T1 và cháu C mỗi tháng mỗi cháu 1.500.000 đồng.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tôi tự giải quyết không yêu cầu Tòa giải quyết.
- Nợ chung: Vợ chồng tôi không có nợ chung.

* Bị đơn anh Nguyễn Quang T không đến Tòa án, không có bản tự khai, không có lời trình bày tại biên bản hòa giải. Tòa án đã niêm yết, tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ.

* Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư Ký, Hội đồng xét xử, nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, trình tự thu thập chứng cứ là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn Chị S được ly hôn với anh T. Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Giao các con cho Chị S nuôi và buộc anh T cấp dưỡng nuôi con chung cho 02 cháu nhỏ, mỗi tháng mỗi cháu 1.500.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ lời trình bày của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam;

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Vụ án có bị đơn anh Nguyễn Quang T cư trú tại huyện T, tỉnh Quảng Nam. Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn anh Nguyễn Quang T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa. Các văn bản đã được niêm yết tại nhà và tại UBND xã B, huyện T nơi bị đơn cư trú. Nhưng bị đơn vẫn cố tình vắng mặt không có lý do tại các buổi hòa giải cũng như tại phiên tòa. Do vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

[2] Về nội dung vụ án: Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Bùi Ngọc Hồng S và anh Nguyễn Quang T có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 07, quyền số 01/2003 do Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam cấp ngày 13/6/2011, xác định Chị S và anh T là vợ chồng hợp pháp. Sau khi kết hôn, Chị S xác

định vợ chồng sống hạnh phúc được 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo Chị S là do anh T không lo làm ăn, ngày nào cũng uống rượu, say xỉn về nhà gây gổ với mẹ con chị vô cớ. Chị đã cố gắng chịu đựng nhưng đến nay Chị S không thể chấp nhận được. Trong quá trình giải quyết vụ án, tòa án muốn tiến hành hòa giải cho các bên đoàn tụ chung sống, làm ăn nuôi con nhưng anh T không đến tòa án để hòa giải. Hội đồng xét xử thấy các bên đương sự không thật sự mong muốn sống bên nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu có kéo dài thì cuộc sống hôn nhân cũng không có, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị Bùi Ngọc Hồng S xin được ly hôn với anh Nguyễn Quang T.

[3] Về con chung: Chị S khai trong thời gian chung sống vợ chồng chị và anh T có 03 con chung tên là:

1. Nguyễn Bùi Sa P, sinh ngày 27/3/2004.
2. Nguyễn Bùi Anh T1, sinh ngày 05/01/2011.
3. Nguyễn Linh C, sinh ngày 03/4/2018.

Nguyên vọng của Chị S nếu ly hôn Chị S xin được trực tiếp nuôi các con khi đủ 18 tuổi, trưởng thành. Theo Chị S từ trước đến nay, các con đều sống chung với chị. Hiện các cháu đang được Chị S nuôi dưỡng, ăn học đầy đủ, đảm bảo phát triển tốt. Do bị đơn anh Nguyễn Quang T vắng mặt, Hội đồng xét xử không biết được nguyện vọng của anh T có muốn nuôi con hay không. Trong khi nguyện vọng của các cháu Sa P – T1 đều mong muốn được sống cùng với Chị S. Cháu C thì còn nhỏ cần phải có sự chăm sóc của mẹ. Hội đồng xét xử xét thấy anh T thực sự không mong muốn được nuôi con, không đến Tòa án để có lời trình bày nên không thể giao con cho anh T nuôi dưỡng. Từ đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát giao các cháu Sa P, Anh T1 và Linh C cho Chị S trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với tình hình thực tế, theo đúng nguyện vọng của các con và đúng pháp luật.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị S yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi các con chung là cháu Anh T1 và Linh C cùng chị mỗi cháu, mỗi tháng 1.500.000 đồng. Xét thấy mức cấp dưỡng theo yêu cầu của Chị S là phù hợp với mức sống tại địa bàn huyện T. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Buộc anh Nguyễn Quang T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng Chị S là các cháu: Nguyễn Bùi Anh T1, sinh ngày 05/01/2011 và Nguyễn Linh C, sinh ngày 03/4/201 mỗi cháu mỗi tháng 1.500.000đ (Một triệu năm trăm ngàn đồng). Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 6/2021 cho đến khi các cháu T1 và C đủ 18 tuổi, trưởng thành.

[4] Về tài sản chung: Chị S khai vợ chồng tự giải quyết, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung và cho mượn nợ: Chị S khai vợ chồng không có nợ ai và không cho ai mượn nợ, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Bùi Ngọc Hồng S phải chịu số tiền: 300.000(Ba trăm ngàn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định theo quy định

tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Được tính trừ vào số tiền: 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí mà Chị S đã nộp theo biên lai thu số 0005684 ngày 23/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Quảng Nam.

- Án phí dân sự về cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 300.000^d(Ba trăm ngàn đồng) anh Nguyễn Quang T phải chịu.

[7] Các bên đương có quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo theo quy định tại các Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[8] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam là đúng pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 146; Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 2 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5; Điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Bùi Ngọc Hồng S. Chị Bùi Ngọc Hồng S được ly hôn với anh Nguyễn Quang T.

2. Về con chung, nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung: Công nhận vợ chồng Chị S và anh T có 03 con chung tên là: Nguyễn Bùi Sa P, sinh ngày 27/3/2004; Nguyễn Bùi Anh T1, sinh ngày 05/01/2011; Nguyễn Linh C, sinh ngày 03/4/2018.

2.1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Bùi Ngọc Hồng S. Giao các cháu Nguyễn Bùi Sa P, sinh ngày 27/3/2004; Nguyễn Bùi Anh T1, sinh ngày 05/01/2011; Nguyễn Linh C, sinh ngày 03/4/2018 cho Chị S trực tiếp nuôi dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom chăm sóc giáo dục con. Vì lợi ích của con, khi cần thiết theo yêu cầu của một bên hoặc của hai bên thì Tòa án có thể quyết định cho thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

2.2. Buộc anh Nguyễn Quang T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các con chung là các cháu: Nguyễn Bùi Anh T1, sinh ngày 05/01/2011; Nguyễn Linh C, sinh ngày 03/4/2018 cùng Chị S mỗi cháu mỗi tháng 1.500.000đ (Một triệu năm trăm ngàn đồng). Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 6/2021 cho đến khi các cháu T1 và C đủ 18 tuổi, trưởng thành.

Kể từ ngày Chị S có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nêu trên, nếu anh T không chịu thi hành thì hàng tháng anh T còn phải chịu trả lãi theo mức lãi

suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về tài sản chung: Chị S khai vợ chồng tự giải quyết, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung và cho mượn nợ: Chị S khai vợ chồng không có nợ ai và không cho ai mượn nợ, Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Bùi Ngọc Hồng S phải chịu số tiền: 300.000(Ba trăm ngàn). Được tính trừ vào số tiền: 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí mà Chị S đã nộp theo biên lai thu số 0005684 ngày 23/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Quảng Nam.

- Án phí dân sự về cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 300.000^d(Ba trăm ngàn đồng) anh Nguyễn Quang T phải chịu.

6. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ để xin Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND – VKSND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THA.DS huyện T;
- UBND xã B;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký tên, đóng dấu)**

Đặng Phùng Thành